



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**THÔNG BÁO
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP
THÁNG IV/2017**



HÀ NỘI, THÁNG VI/2017

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IV/2017	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	8
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên	10
9. Vùng Nam Bộ.....	12
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IV/2017	13
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG V, VI & VII/2017	17
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	17
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	18

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IV/2017

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng IV/2017 tại hầu hết các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ $0,3^{\circ}\text{C}$ đến $2,7^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -68mm đến 492mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -148 giờ đến 43 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -5% đến 8%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng IV/2017 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ $0,7$ đến $2,7^{\circ}\text{C}$); với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $19,6^{\circ}\text{C}$ đến $27,1^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

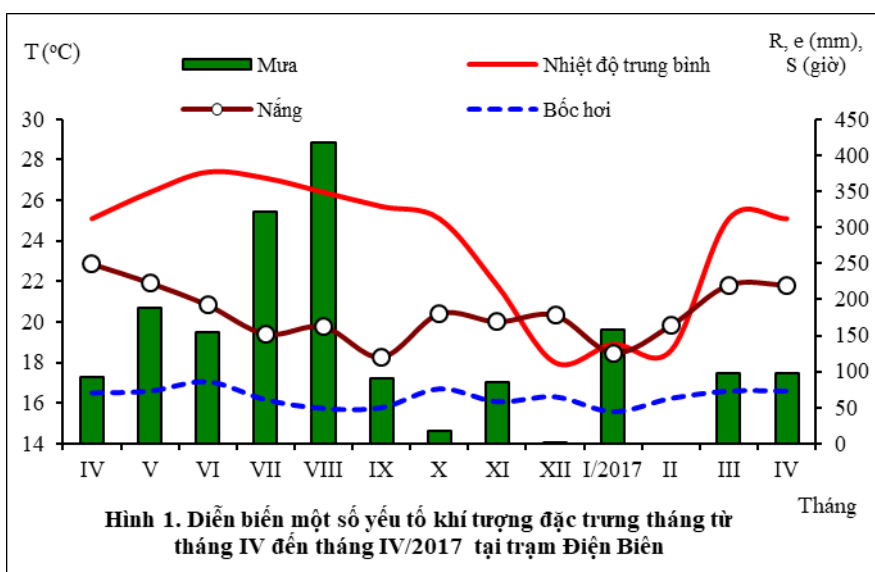
- Nhiệt độ không khí thấp nhất

trung bình tháng phổ biến từ $16,0^{\circ}\text{C}$ đến $23,7^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $9,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 05/IV tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $24,7^{\circ}\text{C}$ đến $34,2^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $39,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 24/IV tại Mường Lay. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IV/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -68mm đến 115mm . Giá trị tổng lượng mưa tháng



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IV đến tháng IV/2017 tại trạm Điện Biên

phổ biến dao động trong khoảng từ 56mm đến 214mm, cao nhất là 299mm tại Sìn Hồ.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 17mm đến 82mm, cao nhất là 106mm xảy ra vào ngày 28/IV tại Sìn Hồ.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 10 đến 26 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 16 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 14 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng IV/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -72 giờ đến 43 giờ); giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 17 giờ đến 222 giờ, cao nhất là 233 giờ (Tuần Giáo) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IV/2017 dao động từ 73% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -5% đến 7%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 34% xảy ra vào ngày 25/IV tại Cò Nòi.

- Tổng lượng bốc hơi tháng IV/2017 có giá trị phổ biến từ 12mm đến 120mm, cao nhất là 127mm tại Sông Mã. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-198mm đến 39mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 9mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 11 ngày, trong đó một số nơi có từ 1 đến 3 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 4 đến 15 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn từ 1 đến 2 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng IV/2017 vùng Việt Bắc ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 0,6⁰C đến 2,1⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 17,6⁰C đến

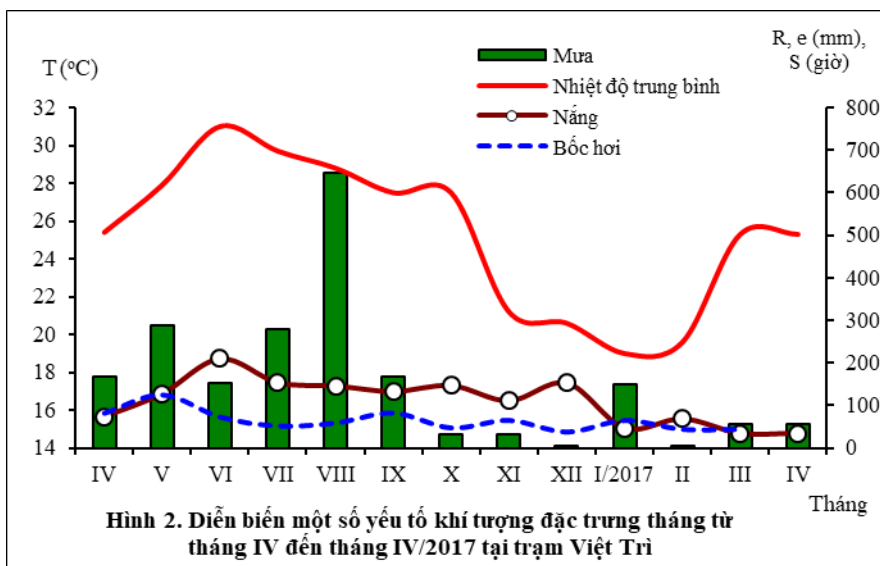
26,1⁰C;

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 15,5⁰C đến 23,8⁰C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 9,5⁰C xảy ra vào ngày 05/IV tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 21,7⁰C đến 29,9⁰C, nhiệt độ không khí cao nhất là 34,0⁰C xảy ra vào ngày 26/IV tại Lào Cai.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 55mm đến 212mm, cao nhất là 241mm tại Ngân Sơn; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-49mm đến 145mm). Diễn



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IV đến tháng IV/2017 tại trạm Việt Trì

biến của tổng lượng mưa ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 20mm đến 62mm, cao nhất là 89mm xảy ra vào ngày 27/IV tại Ngân Sơn. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 12 - 28 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 22 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 16 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IV/2017 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 13 giờ đến 143 giờ, cao nhất là 211 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-78 giờ đến -21 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IV/2017 phổ biến từ 78 đến 93%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (3% đến 9%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 36%, xảy ra vào ngày 19/IV tại Mù Căng Chải.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 27mm đến 90mm, cao nhất là 100mm tại Mù Căng Chải, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-213mm đến -21mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 6mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 4 đến 15 ngày;
- Mưa phùn xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn dao động từ 1 đến 10 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,7 đến 1,6°C); có giá trị dao động từ 22,0°C đến 25,0°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất

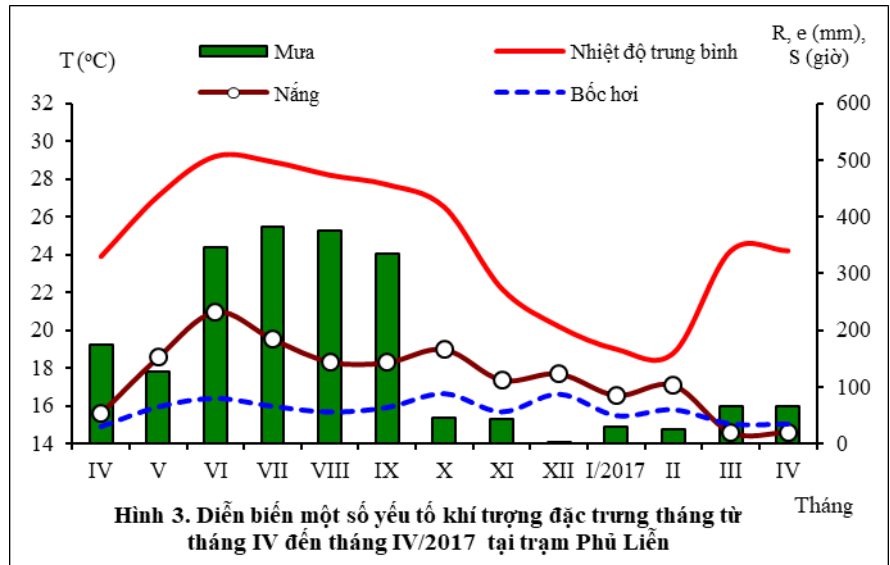
trung bình từ 24,4°C đến 27,9°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 33,7°C xảy ra vào ngày 26/IV tại Hữu Lũng.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 20,0°C đến 23,6°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 12,0°C xảy ra vào ngày 23/IV tại Bảo Lạc. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Lễn được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng IV/2017 dao động phổ biến từ 65mm đến 148mm, cao nhất là 201mm tại Lục Ngạn, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-44mm đến 44m, hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 18mm đến 73mm, cao nhất là 83mm xảy ra vào ngày 27/IV tại Bãi Cháy.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 10 - 25 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 13 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Lễn) ở hình 3.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IV đến tháng IV/2017 tại trạm Phù Lễn

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng IV/2017 đo được ở các nơi trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN (-85 giờ đến -51 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 34 giờ đến 56 giờ, cao nhất là 58 giờ tại Bảo Lạc.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IV/2017 ở các nơi dao động phổ biến từ 83 đến 93%, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 3% đến 8%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 27% xảy ra vào ngày 22/IV tại Bảo Lạc.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 34mm đến 56mm, cao nhất là 58mm tại Bảo Lạc. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (từ -152mm đến -30mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 2 - 5mm.

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 8 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn dao động từ 1 đến 5 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 24,2⁰C đến 25,3⁰C, ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 1,3⁰C đến 1,7⁰C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 26,1⁰C đến 27,8⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 33,7⁰C xảy ra vào ngày 26/IV tại Hà Đông;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 23,2⁰C đến 23,6⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 19,0⁰C xảy ra vào ngày 30/IV tại Láng và Hưng Yên. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

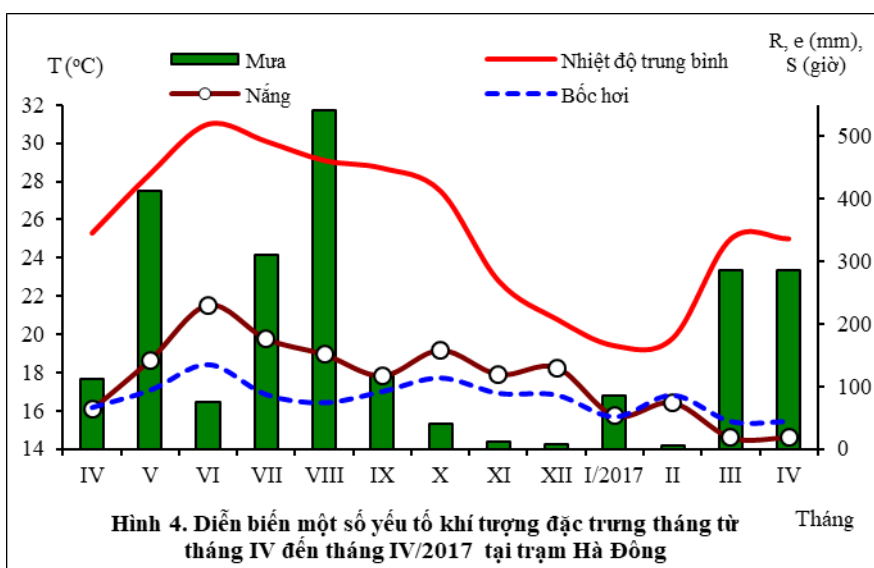
- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (22mm đến 204mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 90mm đến 259mm, cao nhất là 286mm (Hà Đông).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 45 đến 202mm, cao nhất là 214 xảy ra vào ngày 27/IV tại Phú Lý, số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 đến 25 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 12 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến

từ 2 đến 18 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IV/2017 ở các nơi trong vùng dao động từ 5 giờ đến 23 giờ cao nhất là 39 giờ (Hưng Yên); có giá trị ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ -92 giờ đến -54 giờ, hình 12).



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IV đến tháng IV/2017 tại trạm Hà Đông

- Độ ẩm không

khí trung bình tháng từ 88% đến 93% , phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 3% đến 5%, hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 63% xảy ra vào ngày 26/IV tại Láng và Hưng Yên.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 29mm đến 47mm, cao nhất là 51mm tại Hải Dương; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 4mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -242mm đến -51mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 2 đến 10 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn từ 1 đến 15 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

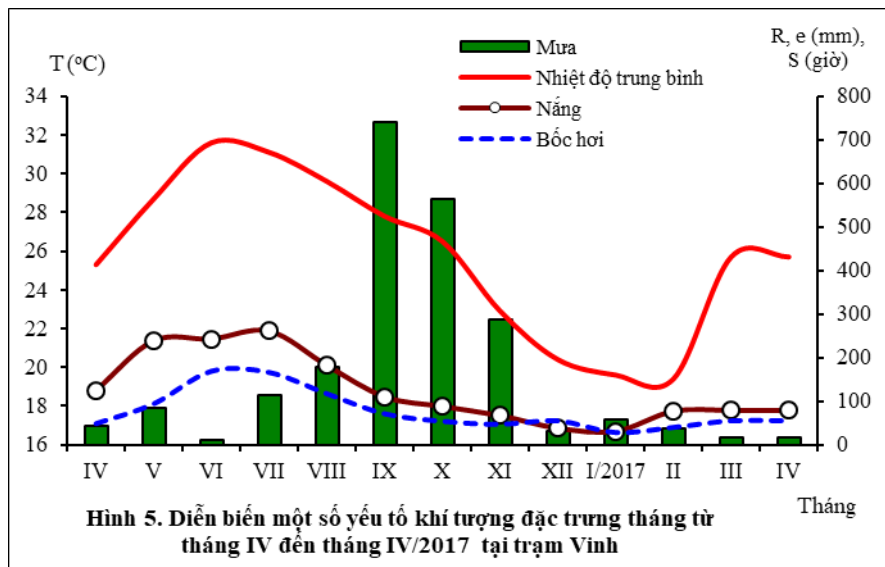
5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ -1,0°C đến 2,2°C, hình 10) và có giá trị từ 24,6°C (Yên Định và Thanh Hóa) đến 27,6°C (Tương Dương).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 26,9⁰C đến 34,3⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 41,0⁰C xảy ra vào ngày 25/IV tại Tương Dương.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,1⁰C đến 24,2⁰C, giá trị nhiệt độ

không khí thấp nhất là 19,8⁰C xảy ra vào các ngày 02/IV tại Thanh Hóa và ngày 05/IV tại Như Xuân. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IV đến tháng IV/2017 tại trạm Vinh

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng IV/2017, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 15mm đến 164mm, cao nhất là 393mm tại Tương Dương. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-96mm đến 102mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 6 đến 79mm, cao nhất là 108mm, xảy ra vào ngày 27/IV tại Yên Định.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 - 23 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 11 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 19 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 39 đến 148 giờ, cao nhất là 159 giờ; tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ -67 giờ đến -10 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 80% đến 95%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (3% đến 7%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 38% xảy ra vào các ngày 25/IV tại Tương Dương và ngày 26/IV tại Quỳnh Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 36mm đến 67mm, cao nhất là 90mm tại Tương Dương; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 3 - 6mm.

Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-303mm đến 40mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 8 ngày, trong đó một số nơi có từ 1 đến 4 ngày có cường độ mạnh;

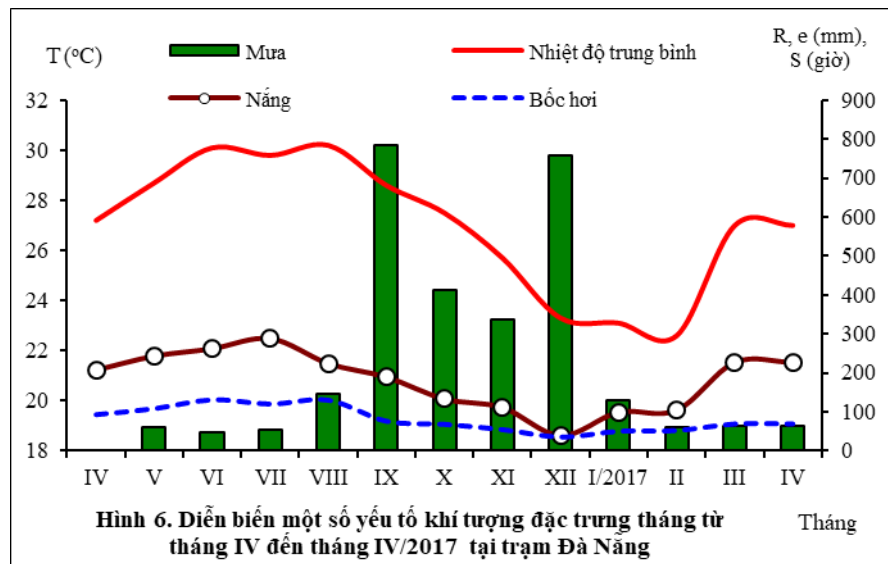
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 11 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn từ 1 đến 9 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IV/2017 từ 25,7⁰C đến 27,7⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hơn giá trị TBNN (0,5⁰C đến 1,7⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IV đến tháng IV/2017 tại trạm Đà Nẵng

diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,1⁰C đến 34,2⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,2⁰C xảy ra vào ngày 24/IV tại Đông Hà.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,4⁰C đến 24,7⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 19,8⁰C xảy ra vào ngày 05/IV tại Trà My.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng IV/2017 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 5mm đến 121mm, cao nhất là 170mm tại Trà My. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -66mm đến 71mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 4 đến 64mm, cao nhất là 73mm xảy ra vào ngày 08/IV tại Trà My.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 2 đến 9 ngày, cao nhất là 11 ngày tại Trà My; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 21 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 146 giờ đến 227 giờ, cao nhất là 250 giờ tại Quảng Ngãi. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-21 giờ đến 42 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 81% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 3% đến 7%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 42% xảy ra vào ngày 27/IV tại Nam Đông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 43mm đến 85mm, cao nhất là 90mm tại Nam Đông. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm. Tổng lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-112mm đến 71mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 8 ngày, trong đó tại Nam Đông có 1 ngày có cường độ mạnh;

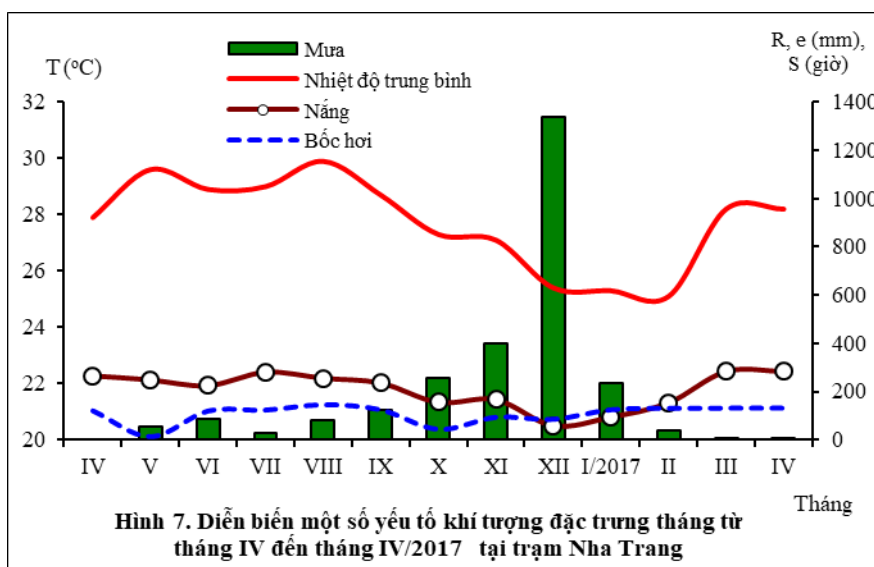
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 5 đến 13 ngày.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IV/2017 từ 27,3⁰C đến 29,0⁰C, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 0,4⁰C đến 1,1⁰C, hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,0⁰C đến 33,1⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,0⁰C xảy ra vào ngày 24/IV tại Tuy Hòa.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IV đến tháng IV/2017 tại trạm Nha Trang

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,0⁰C đến 26,1⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,6⁰C, xảy ra vào ngày 05/IV tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng IV/2017, lượng mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 5mm đến 60mm, cao nhất là 316mm tại Phan Thiết. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-41mm đến 284mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 2mm đến 30mm, cao nhất là 32mm xảy ra vào ngày 28/IV tại Hoài Nhơn.

- Số ngày mưa trong tháng ở các nơi có mưa trong vùng phổ biến từ 1 đến 6 ngày; số ngày mưa liên tục từ 1 đến 2 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 11 đến 28 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IV/2017 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 260 giờ đến 291 giờ, cao nhất là 292 giờ tại Phú Quý; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 18 giờ đến 25 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 76% đến 83%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -4% đến -3%, hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 47% xảy ra vào ngày 24/IV tại Tuy Hòa.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 88mm đến 105mm, cao nhất là 132mm tại Nha Trang, Phan Rang và Phan Thiết. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 6mm, cao nhất là 7mm xảy ra vào các ngày 05/IV tại Phan Rang và ngày 23/IV tại Hoài Nhơn. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (từ -184mm đến 127mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

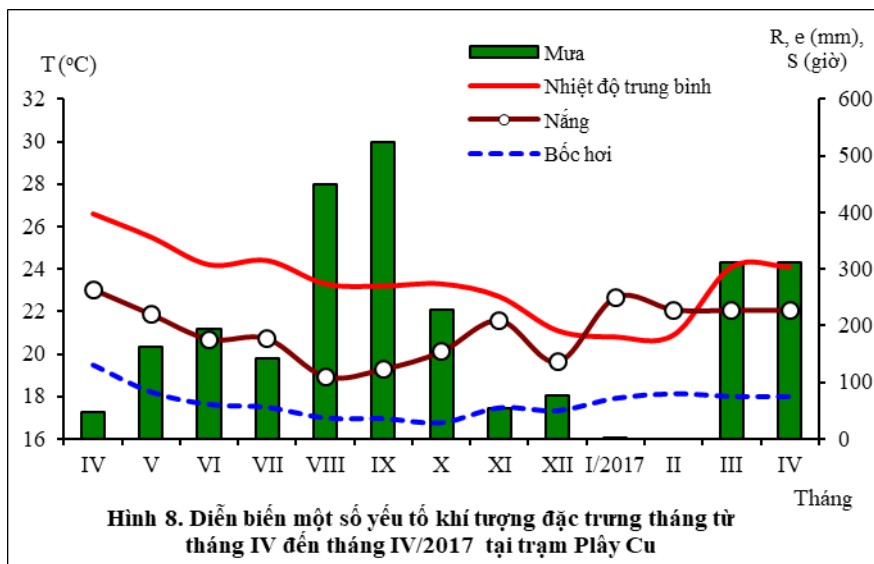
- Gió tây khô nóng xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 2 đến 3 ngày, có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 5 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng IV/2017 từ $18,8^{\circ}\text{C}$ đến $29,1^{\circ}\text{C}$; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ $-0,4^{\circ}\text{C}$ đến $0,4^{\circ}\text{C}$, hình 10).



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IV đến tháng IV/2017 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $24,8^{\circ}\text{C}$ đến $36,3^{\circ}\text{C}$; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $38,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 25/IV tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $15,0^{\circ}\text{C}$ đến $25,1^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $13,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 15/IV tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IV/2017 trong vùng phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 28mm đến 492mm, phổ biến có giá trị dao động từ 45mm đến 339mm, cao nhất là 662mm tại Bảo Lộc.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất có giá trị phổ biến dao động từ 18mm đến 69mm, cao nhất là 77mm xảy ra vào ngày 12/IV tại Bảo Lộc. Số ngày mưa phổ biến từ 9 đến 25 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 13 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IV/2017 phổ biến từ 149 giờ đến 240 giờ, cao nhất là 241 giờ tại Đăk Nông. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-57 giờ đến -27 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 3% đến 8%), có giá trị phổ biến từ 73% đến 90%; độ ẩm không khí thấp nhất là 38% xảy ra vào ngày 14/IV tại Ayunpa.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 32mm đến 110mm, cao nhất là 139mm tại Ayunpa. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 6mm.

Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (từ -615mm đến -22mm).

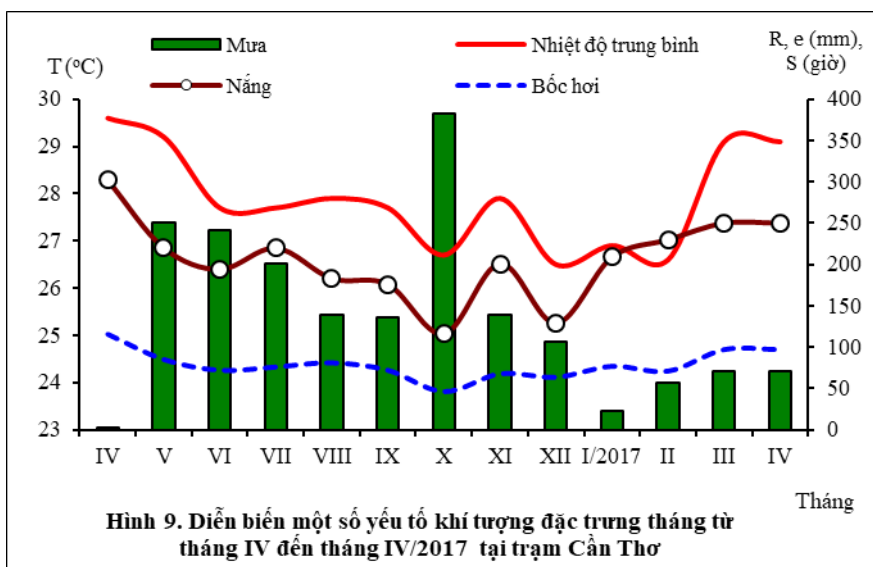
9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IV/2017 từ $27,8^{\circ}\text{C}$ đến $29,6^{\circ}\text{C}$, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ $0,4^{\circ}\text{C}$ đến $1,6^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $32,9^{\circ}\text{C}$ đến $35,2^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $37,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 03/IV tại Đồng Phú.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $24,2^{\circ}\text{C}$ đến $27,5^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $21,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 01/IV tại Đồng Phú. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IV đến tháng IV/2017 tại trạm Cần Thơ

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng các nơi trong vùng dao động phổ biến từ 39mm đến 247mm, cao nhất là 301mm tại Đồng Phú; lượng mưa ngày dao động từ 18mm đến 115mm, cao nhất 136mm xảy ra vào ngày 07/IV tại Cao Lãnh; số ngày mưa từ 3 đến 16 ngày, số ngày mưa liên tục từ 2 đến 6 ngày; số ngày không mưa liên tục từ 4 đến 15 ngày. Lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -39mm đến 206mm.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IV/2017 phổ biến từ 212 giờ đến 273 giờ, cao nhất là 286 giờ tại Rạch Giá; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-41 giờ đến 52 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 74% đến 82%, phổ biến ở

mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -4% đến 6%, hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 35% xảy ra vào ngày 27/IV tại Phước Long.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 74mm đến 108mm, cao nhất là 117mm tại Rạch Giá (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng (từ -215mm đến 66mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây không nóng từ 2 đến 14 ngày, có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày dao động từ 2 đến 15 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện 2 ngày duy nhất tại Cà mau.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IV/2017

Điều kiện khí tượng trong tháng IV/2017 tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Trên tất cả các vùng, nhiệt độ, lượng mưa, số giờ nắng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn so với giá trị TBNN.

Nhiệm vụ chủ yếu của ngành trồng trọt trong tháng IV là chăm sóc cây trồng vụ đông xuân ở các địa phương phía Bắc; Thu hoạch lúa, hoa màu vụ đông xuân và gieo trồng lúa hè thu ở các địa phương phía Nam. Tính đến trung tuần tháng 4, cả nước đã gieo cấy được 3072 nghìn ha lúa đông xuân, tương đương cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy được 1143 nghìn ha, bằng 99,8%; Các địa phương phía Nam gieo cấy được gần 1929 nghìn ha, bằng 100,3% cùng kỳ, diện tích đã cho thu hoạch đạt gần 1.607 ngàn ha, chiếm khoảng 83,3% diện tích xuống giống, riêng vùng ĐBSCL đã thu hoạch được hơn 1,44 triệu ha, đạt gần 94% diện tích xuống giống. Dự kiến đến hết tháng 4, toàn bộ diện tích lúa Đông xuân vùng ĐBSCL sẽ được thu hoạch xong, ước năng suất lúa toàn vùng ĐBSCL năm nay đạt 62,7 tạ/ha, giảm 1,5 tạ/ha (-2,4%) so với vụ đông xuân trước.

1. Đối với cây lúa

Nhiệm vụ trọng tâm của ngành trồng trọt trong tháng IV là chăm sóc cây

trồng vụ đông xuân ở các địa phương phía Bắc; thu hoạch lúa, hoa màu vụ đông xuân và gieo trồng lúa hè thu ở các địa phương phía Nam.

- **Lúa đông xuân:** Tính đến cuối tháng 4, cả nước đã gieo cấy được 3072 nghìn ha lúa đông xuân, tăng nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm trước. Các tỉnh miền Bắc đã cơ bản hoàn thành công tác gieo trồng lúa vụ Đông xuân, diện tích gieo cấy đạt 1143 nghìn ha, bằng 99,8% so với cùng kỳ, trong đó các tỉnh vùng ĐBSH gieo cấy gần 540,8 nghìn ha, đạt 99% cùng kỳ năm trước. Diện tích lúa vụ Đông xuân năm nay giảm nhẹ so với cùng kỳ chủ yếu là do các địa phương thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất, như Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam, Thanh Hóa... Bên cạnh đó, nhiều ha đất ruộng tại Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Nam Định bị bỏ hoang do nhiều lao động nông thôn chuyển sang các ngành sản xuất phi nông nghiệp cho thu nhập cao hơn. Trong tháng các địa phương tập trung chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho lúa và rau màu vụ đông xuân, nhìn chung thời tiết tương đối thuận lợi, có mưa rào trên diện rộng, đảm bảo đủ nước tưới, tạo điều kiện cho lúa sinh trưởng và phát triển tốt. Hiện nay những trà lúa sớm và trà trung đang ở giai đoạn làm đòng, trà muộn đang đẻ nhánh rộ.

Các tỉnh miền Nam gieo cấy được gần 1929 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 100,3% cùng kỳ, tính đến ngày 15/4 diện tích đã cho thu hoạch đạt gần 1.607 ngàn ha, chiếm khoảng 83,3% diện tích xuống giống và chậm hơn 4,2% so với cùng kỳ năm trước. Riêng vùng ĐBSCL đã thu hoạch được hơn 1,44 triệu ha, đạt gần 94% diện tích xuống giống và bằng 92,7% cùng kỳ năm trước. Dự kiến đến hết tháng 4, toàn bộ diện tích lúa Đông xuân vùng ĐBSCL sẽ được thu hoạch xong. Theo báo cáo sơ bộ, năng suất lúa toàn vùng ĐBSCL năm nay đạt 62,7 tạ/ha, giảm 1,5 tạ/ha (- 2,4%) so với vụ đông xuân trước và giảm ở hầu hết các tỉnh trong vùng do ảnh hưởng của thời tiết (mưa nhiều, nắng ít). Một số tỉnh có năng suất giảm nhiều nhất như: Đồng Tháp giảm 11,2 tạ/ha (-16,5%); Cần Thơ giảm 5,9 tạ/ha (-8,3%); Tiền Giang giảm 5 tạ/ha (-7,1%); Vĩnh Long giảm 4,8 tạ/ha (- 7,6%) so với vụ đông xuân năm 2016.

- **Lúa hè thu:** Trên những chân ruộng lúa Đông xuân đã thu hoạch, bà con nông dân các tỉnh phía Nam đã tranh thủ cày xới đất để xuống giống vụ Hè thu sớm. Tính đến trung tuần tháng 4/2017 toàn miền đã gieo trồng được khoảng 676,5 nghìn ha, đạt 95% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng ĐBSCL gieo cấy đạt 660,7 nghìn ha, bằng 97% so cùng kỳ. Tiến độ gieo trồng lúa hè thu năm nay thấp hơn cùng kỳ do ảnh hưởng của tiến độ gieo trồng vụ đông xuân (Lúa đông xuân một số vùng xuống giống chậm gần một tháng). Hiện lúa hè thu đang ở giai đoạn mạ đến làm đòng, cây lúa sinh trưởng và phát triển tốt. Vụ hè thu 2017 được dự báo

sẽ gặp khó khăn do tình hình nắng nóng kéo dài và diễn biến thời tiết khá phức tạp nên ngành Nông nghiệp các địa phương cần quản lý lịch thời vụ xuống giống chặt chẽ và có thể kéo dài hơn so với năm trước.

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Thông kê tính đến ngày 15/4, cả nước đã gieo trồng đạt 689,2 ngàn ha cây màu lương thực, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Cây ngô đạt 443,3 ngàn ha, tăng nhẹ 0,8% so cùng kỳ; Khoai lang đạt 75,1 ngàn ha, giảm 1,2%; Sắn đạt 164,7 ngàn ha, giảm 5,4% so với cùng kỳ năm trước. - *Cây công nghiệp ngắn ngày* ước đạt tổng diện tích 275,1 ngàn ha, bằng 93,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Diện tích đậu tương đạt 36,1 ngàn ha, bằng 95,4%; Lạc đạt 139,1 ngàn ha, bằng 97,5%. Gieo trồng rau, đậu các loại đạt 535,8 ngàn ha, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước.

Chè lớn búp hái ở Phú Hộ, Mộc Châu, trạng thái sinh trưởng trung bình và khá. Còn ở Ba Vì, chè lớn nảy chồi, trạng thái sinh trưởng trung bình.

Ở Tây Nguyên và Xuân Lộc cà phê trong giai đoạn nở hoa, hình thành quả, trạng thái sinh trưởng trung bình.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng IV/2017

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn búp hái	Khá	TB	
2		Điện Biên	Lúa đông xuân mọc dón	TB	3cm	Đạo ôn nhẹ
3		Văn Chấn	Lúa đông xuân mọc dón	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa đông xuân mọc dón	TB	ẩm	
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa đông xuân mọc dón	Khá	3cm	
6		Lạng Sơn	Lúa đông xuân lá thứ 5	TB	Quá ẩm	
7			Ngô lá thứ 7	Khá	TB	
8		Bắc Giang	Lúa đông xuân mọc dón	Khá	3cm	
9	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn búp hái	TB	Ẩm	
10		Ba Vì	Chè lớn nảy chồi	TB	Ẩm	
11	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Lúa đông xuân mọc dón	TB	3cm	
12		Hoài Đức	Lúa đông xuân mọc dón	Tốt	4cm	
13			Cam nở hoa	Khá	Ẩm	
14			Lạc nở hoa	TB	Ẩm	
15			Đậu tương ra nụ	Khá	Ẩm	
16		Hải Dương	Lúa đông xuân mọc dón	Khá	4cm	

17		Hung Yên	Lúa đông xuân mọc dón	Khá	3cm	
18		Nam Định	Lúa đông xuân mọc dón	Khá	3cm	Chuột rất nhẹ
19		Ninh Bình	Lúa đông xuân đé nhánh	Khá	3cm	
20		Thái Bình	Lúa đông xuân đé nhánh	Khá	3cm	
21	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc hình thành củ	Kém	Ấm	
22			Đậu tương ra quả	Kém	Ấm	
23		Thanh Hoá	Lúa đông xuân mọc dón	Khá	3cm	
24		Quỳnh Lưu	Lúa đông xuân mọc dón	TB	3cm	
25		Đô Lương	Lúa đông xuân mọc dón	TB	3cm	
26	Nam	Tuy Hoà	Chuyển vụ			
27	Trung Bộ	An Nhơn	Chuyển vụ			
28	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê nở hoa	TB	TB	
29	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	Ấm	
30		Trà Nóc	Chuyển vụ			
31		Mỹ Tho	Chuyển vụ			
32		Bạc Liêu	Chuyển vụ			

3. Tình hình sâu bệnh

Theo báo cáo của Cục Bảo Vệ thực vật trong tháng IV tình hình dịch bệnh trên cây lúa tiếp tục gia tăng, phần lớn các dịch hại trên lúa tập trung chủ yếu ở các tỉnh khu 4, ĐBSCL và miền Trung Tây Nguyên. Một số loại bệnh gây hại lúa với diện tích lớn như sau:

- Bệnh đạo ôn cổ bông hại lúa với diện tích nhiễm 8.135 ha, trong đó diện tích bị nhiễm nặng là 21 ha.

- Rầy nâu – rầy lưng trắng hại lúa diện tích nhiễm 27.849, trong đó diện tích bị nhiễm nặng là 527 ha.

- Diện tích lúa bị hại do bệnh đạo ôn lá hại lúa là 33.217 ha, trong đó diện tích bị nhiễm nặng là 1664 ha.

- Tổng diện tích bệnh khô vằn hại lúa 29.821 ha, trong đó diện tích bị nhiễm nặng là 648 ha.

- Diện tích lúa bị chuột hại lên đến hơn 10.000 ha.

- Diện tích lúa bị sâu năn hại 5.014 ha.

Theo khuyến cáo của Cục Bảo vệ thực vật một số bệnh như rầy nâu – rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ sẽ nở rộ từ cuối tháng IV đến đầu tháng V, gây hại

trên diện rộng ở các trà lúa, bên cạnh đó một số đối tượng hại lúa như chuột, bệnh đạo ôn, châu chấu tiếp tục nở rộ do đó các địa phương cần chủ động phát hiện và phòng chống kịp thời để không ảnh hưởng đến năng suất lúa.

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG V, VI & VII/2017

3.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ mùa V-VIII/2017 có khả năng cao hơn TBNN từ 0 đến 1,5°C ở đa phần diện tích cả nước, với xác suất từ 44 đến 77%; thấp hơn TBNN ở một số địa phương thuộc Bắc Bộ, cực Nam Nam Trung Bộ và Nam Bộ, với xác suất từ 44 đến 77%.

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa mùa V-VIII/2017 có khả năng ở mức cao hơn TBNN từ 0 đến 400mm ở khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Nam Bộ, với xác suất từ 55 đến 77%; thấp hơn TBNN từ 0 đến 200 mm ở khu vực Đông Bắc, Đồng Bằng Bắc Bộ và hầu hết Trung Bộ với xác suất từ 55 đến 77%.

3.3. Một số hiện tượng cực đoan:

Số ngày nắng nóng có khả năng cao hơn so với TBNN từ 1 đến 5 ngày/tháng ở các khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Trong các tháng mùa hè năm 2017, nhiều khả năng xảy ra cực trị nhiệt độ cao đạt mức xấp xỉ đến cao hơn như năm 2016 ở khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Gió mùa mùa hè bắt đầu hoạt động trên khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ vào khoảng tuần thứ 2 của tháng V/2017. Nhiều khả năng, gió mùa mùa hè sẽ hoạt động mạnh hơn TBNN trong tháng V/2017 và ở mức xấp xỉ TBNN ở các tháng tiếp theo.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng IV và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng V/2017 và dự báo khí hậu 3 tháng V, VI và VII/2017 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Các loại sâu bệnh đang trong đà phát triển và lây lan, các địa phương cần tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt là bệnh lùn sọc đen, rầy nâu và rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn lá và bệnh nghệt rễ;

2. Miền Nam

- Do đang trong thời gian chuyển vụ, các địa phương cần tập trung các biện pháp xử lý đất, các biện pháp phòng xâm nhập mặn để chuẩn bị cho sản xuất vụ mới;

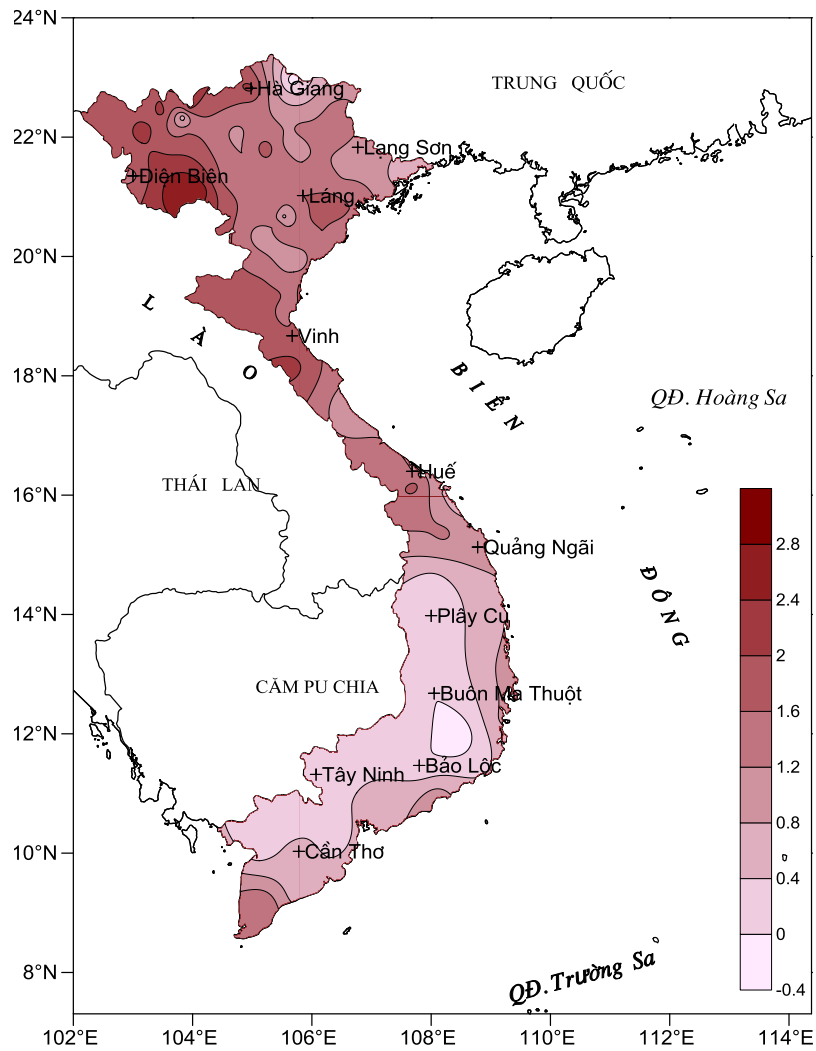
- Tích cực phòng trừ các loại sâu bệnh hại trên các cây lúa, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

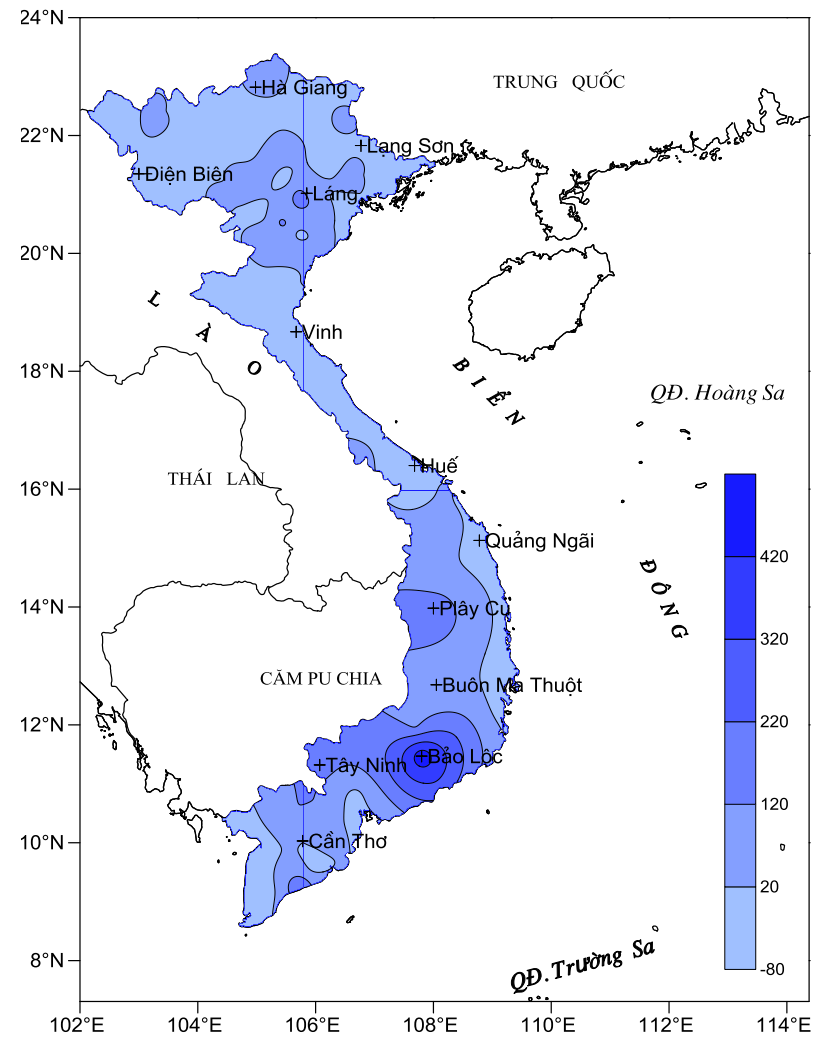
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng V, VI, VII/2017;

2. <http://www.kttv.gov.vn/website/vi-VN/70/40/Default.aspx>, Nhận định xu thế thời tiết tháng 5 năm 2017 các khu vực trên phạm vi cả nước;

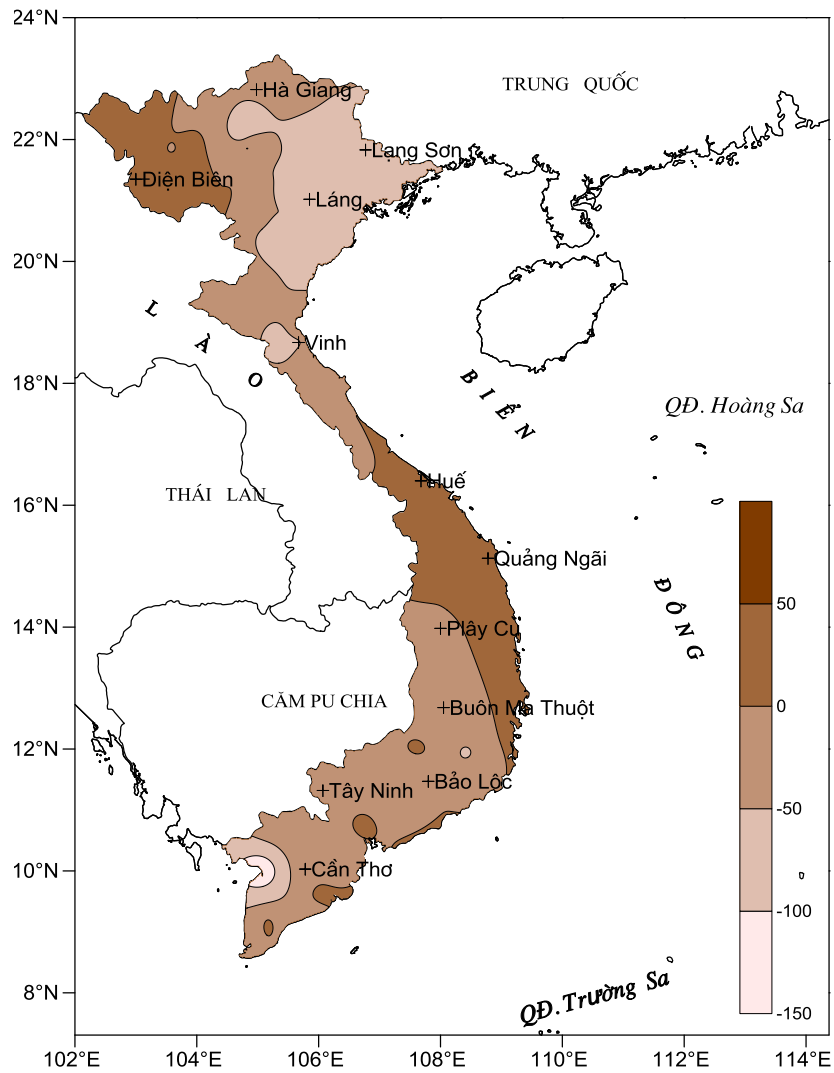
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng IV năm 2017 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



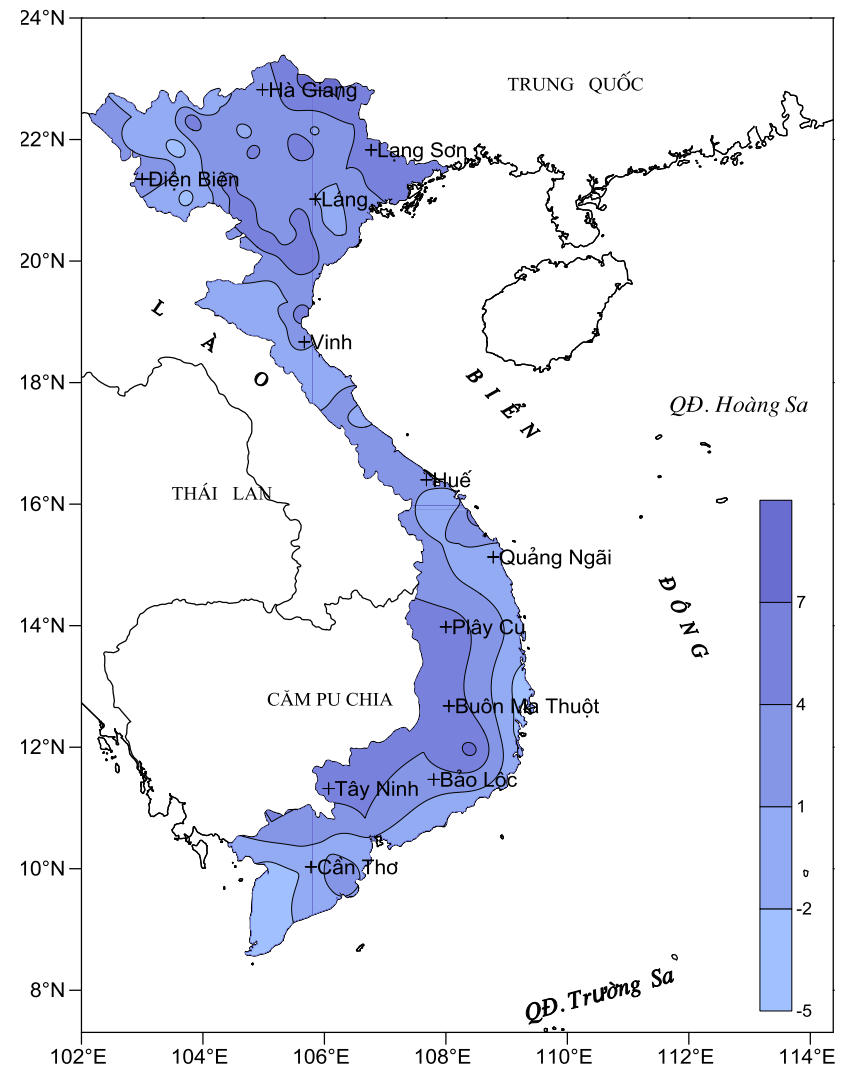
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng IV/2017 so với TBNN (°C)



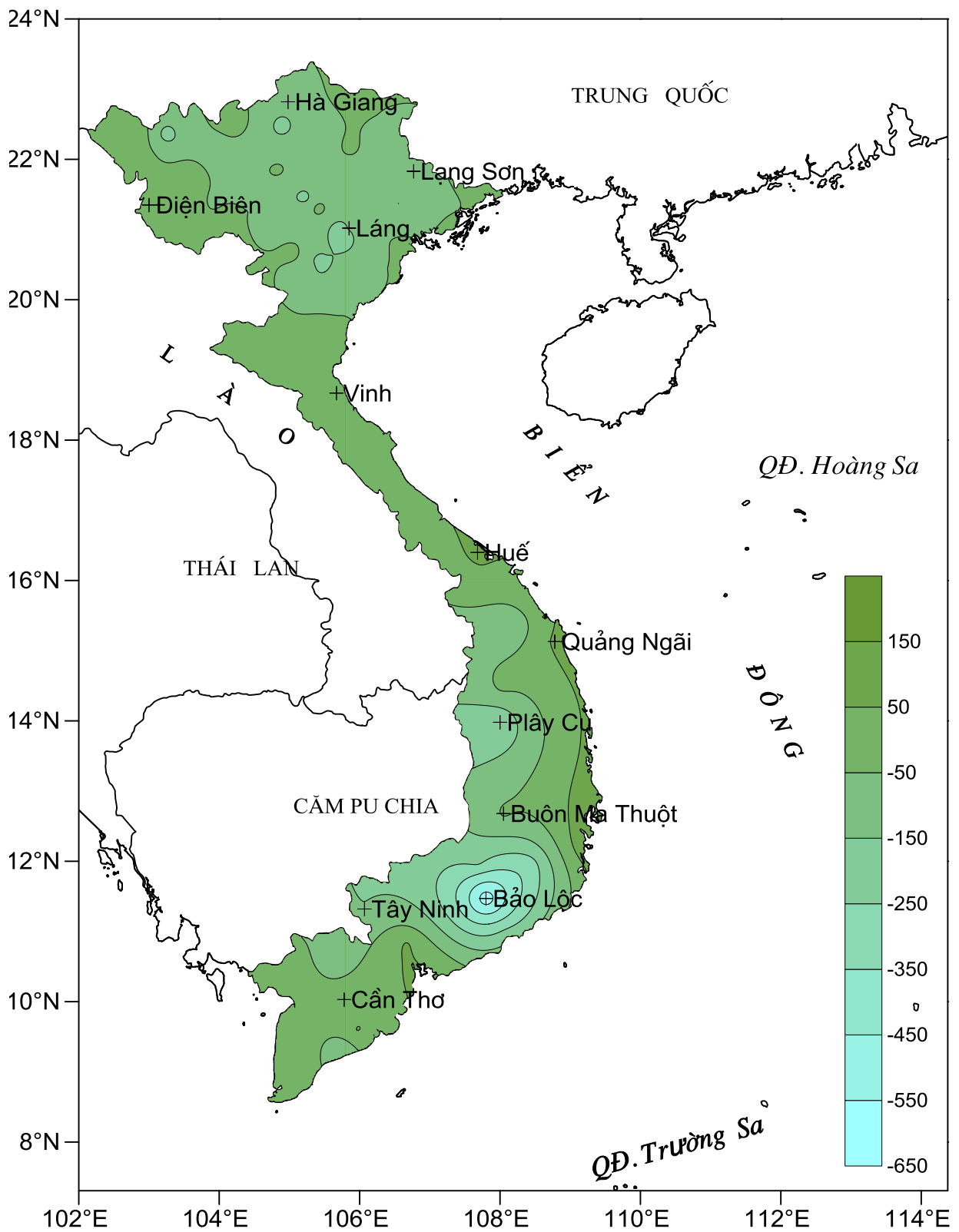
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng IV/2017 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng IV/2017 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng IV/2017 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng IV/2017 (mm)